

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Trợ cấp xã hội cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy
Học kỳ II năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ - TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29/4/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGD-ĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Biên bản họp ngày 20/3/2025 của Hội đồng xét học bổng và chế độ chính sách cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội cho **291** sinh viên Khoá 18, Khoá 19, Khoá 20, Khoá 21 trình độ đại học hình thức chính quy thuộc các đối tượng theo quy định. Cụ thể như sau:

Mức 140.000đ/tháng: 279 sinh viên

Mức 100.000đ/tháng: 12 sinh viên

Tổng số tiền trợ cấp xã hội: **241.560.000đ**

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian sinh viên được hưởng trợ cấp xã hội trong học kỳ II năm học 2024-2025 (Từ tháng 01/2025 đến tháng 5/2025).

Điều 3. Trường phòng Công tác HSSV, Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường các Khoa/Viện, Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số 338/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 4 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
1	DTE2153403010049	Phạm Thị Lệ Linh	29/05/2003	K18 - KẾ TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
2	DTE2153403010050	Trần Tùng Linh	25/10/2003	K18 - KẾ TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
3	DTE2153403010204	Hoàng Văn Hường	17/01/2003	K18 - KẾ TOÁN B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
4	DTE2153403010156	Triệu Thị Thu Trang	21/11/2003	K18 - KẾ TOÁN B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
5	DTE2153403010226	Ma Thị Lệ Hà	22/05/2003	K18 - KẾ TOÁN C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
6	DTE2153403010346	Vũ Thị Đào	30/05/2003	K18 - KẾ TOÁN D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
7	DTE2153403010341	Nông Thị Thuỳ	04/08/2001	K18 - KẾ TOÁN D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
8	DTE2153403010373	Nguyễn Thị Trang	28/02/2003	K18 - KẾ TOÁN D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
9	DTE2153403010501	Nông Thị Thùy Trang	24/09/2003	K18 - KẾ TOÁN D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
10	DTE2153403010379	Hoàng Hà Dịu	15/11/2003	K18 - KẾ TOÁN E	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
11	DTE2153403010137	Đinh Thị Diễm	30/12/2003	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
12	DTE2153401200031	Triệu Thúy Hường	18/06/2003	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
13	DTE2153101040037	Hoàng Thị Phương Giao	21/01/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
14	DTE2153101040057	Nguyễn Thị Thanh Tâm	30/03/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
15	DTE2153101010030	Chu Thị Phụng	01/06/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
16	DTE2153101010022	Hoàng Đức Quang	06/10/2003	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
17	DTE2153101050036	Bàn Thị Thúy Hằng	13/10/2003	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
18	DTE2153101050010	Nông Thị Linh	12/12/2003	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
19	DTE2153101050004	Đinh Thị Nhã Phấn	10/09/2002	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
20	DTE2153101050037	Lường Văn Quang	10/08/2003	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
21	DTE2153101050044	Hoàng Công Thái	26/05/2003	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
22	DTE2153101050039	Đinh Quang Thọ	10/12/2003	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
23	DTE2153801070041	Đàm Tùng Anh	01/06/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
24	DTE2153801070090	Hoàng Đình Đức	18/10/2002	K18 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
25	DTE2153801070035	Hứa Thị Lê	07/05/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
26	DTE2153801070031	Hoàng Đức Long	16/01/2002	K18 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
27	DTE2153801070040	Giàng A Tênh	30/07/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
28	DTE2153801070073	Vì Thị Thông	24/12/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
29	DTE2153801070100	Bạc Cẩm Trường	08/10/2003	K18 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
30	DTE2153401010169	Triệu Thị Thanh Thủy	02/05/2003	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
31	DTE2153404030002	Nguyễn Công An	11/06/1998	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
32	DTE2153404030120	Hoàng Ánh Dương	07/12/2003	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
33	DTE2153404030098	Phan Văn Quyền	20/04/2002	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	MCCM (100%)	100.000	6	600.000	
34	DTE2153401010388	Hà Văn Bắc	09/02/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
35	DTE2153401010055	Nguyễn Thị Xuân Nga	30/01/2002	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
36	DTE2153401010332	Triệu Thị Đào	09/12/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
37	DTE2153401010127	Hoàng Thị Lê	04/10/2002	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
38	DTE2153401010131	Hoàng Hữu Nghị	11/11/2002	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
39	DTE2153401010111	Dương Thị Minh Thuyết	30/01/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
40	DTE2153401010199	Đỗ Trung Hiếu	04/07/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
41	DTE2153401010225	Nguyễn Thị Tiếp	25/09/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
42	DTE2153401010292	Nguyễn Ngọc Anh	20/11/2003	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
43	DTE2153401150127	Ngô Lục Quân	06/02/2003	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
44	DTE2153402010030	Hoàng Thị Thu An	19/11/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
45	DTE2153402010042	Trần Lệ Xuân	31/10/2002	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
46	DTE2153402010122	Dương Thị Oanh	18/07/2003	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
47	DTE2153402010180	Hoàng Minh Quang	20/12/2001	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
48	DTE2253403010198	Lý Hồng Hạnh	08/02/2004	K19 - KẾ TOÁN C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
49	DTE2253403010221	Triệu Thị Mai Lan	16/04/2004	K19 - KẾ TOÁN C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
50	DTE2253403010229	Triệu Phương Ly	01/06/1999	K19 - KẾ TOÁN C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
51	DTE2253403010233	Lê Thị Hoài Nam	07/02/2004	K19 - KẾ TOÁN C	MCCM (100%)	100.000	6	600.000	
52	DTE2253403010291	Vương Ngọc Thương	02/12/2004	K19 - KẾ TOÁN C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
53	DTE2253403010180	Lê Ngọc Chi	25/10/2004	K19 - KẾ TOÁN D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
54	DTE2253403010415	Sầm Thị Vân Ly	19/09/2004	K19 - KẾ TOÁN D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
55	DTE2253403010351	Đổng Thị Mơ	05/12/2004	K19 - KẾ TOÁN D	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
56	DTE2253403010165	Mông Văn Đại	24/11/2003	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
57	DTE2253403010396	Hoàng Tiến Đạt	07/07/2004	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
58	DTE2253403010325	Nguyễn Thị Điệp	10/12/2004	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
59	DTE2253403010421	Hoàng Diệu Huyền	30/07/2004	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
60	DTE2253403010405	Phùng Mỹ Linh	05/05/2003	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
61	DTE2253403010248	Đinh Tuyết Nhị	07/06/2004	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
62	DTE2253403010157	Ma Thị Bích Thủy	03/06/2004	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
63	DTE2253403010036	Lương Thị Ngọc Châm	22/03/2004	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
64	DTE2253403010297	Dương Thị Hương Trà	24/08/2004	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
65	DTE2253403010409	Pờ Phi Nhung	19/09/2004	K19 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
66	DTE2253101010058	Hoàng Văn Đăng	14/02/2004	K19 - KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
67	DTE2253101010018	Lý Thị Hồng Hạnh	18/02/2004	K19 - KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
68	DTE2253101010053	Quách Thị Phương	15/11/2000	K19 - KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
69	DTE2253401200018	Hoàng Trung Tín	25/07/2002	K19 - KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
70	DTE2253101050008	Lô Thị Hải Yến	01/10/2004	K19 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
71	DTE2255106050053	Ma Hoàng Chính	09/04/2004	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
72	DTE2255106050054	Hứa Thị Thu Hà	19/03/2001	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
73	DTE2253801070068	Lục Thị Vi Anh	06/07/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	MCCM (100%)	100.000	6	600.000	
74	DTE2253801070077	Sùng A Ca	20/05/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
75	DTE2253801070018	Mông Thị Thu Hằng	21/06/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
76	DTE2253801070056	Ma Thị Thúy Hường	16/10/2003	K19 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
77	DTE2253801070057	Nguyễn Đức Long	10/12/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
78	DTE2253801070072	Hà Thị Thành Tâm	10/05/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
79	DTE2253801070060	Nông Thị Thính	29/02/2004	K19 - LUẬT KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
80	DTE2258101030028	Phản Thị Thanh Huyền	22/02/2004	K19 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
81	DTE2253401010227	Nông Thị Hương	13/05/2004	K19 Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
82	DTE2253404030052	Lê Thị Mai	12/02/2004	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
83	DTE2253404030053	Sùng Seo Minh	16/07/2004	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
84	DTE2253404030026	Nông Thị Phương Thảo	25/07/2004	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
85	DTE2253401010015	Lý Thị Thanh Chúc	30/01/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
86	DTE2253401010275	Mã Văn Hải	28/08/2002	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
87	DTE2253401010165	Bùi Đức Nam	13/05/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
88	DTE2253401010131	Mông Thị Hiền	30/07/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
89	DTE2258101030030	Trần Hoàng Minh	18/03/2004	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
90	DTE2253401150175	Lê Thanh Phương	13/02/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
91	DTE2253401150133	Ma Khánh Ly	06/02/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
92	DTE2253401150135	Trương Thị Trà My	25/10/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
93	DTE2253401150075	Lường Hải Nghĩa	25/01/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
94	DTE2253401150181	Vi Thị Thủy Tiên	15/02/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
95	DTE2253401150086	Hoàng Thị Xuyên	13/05/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
96	DTE2253401150174	Hà Yến Nhi	20/07/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
97	DTE2253401150142	Nông Thị Kiều Oanh	09/01/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
98	DTE2253401150176	Lý Thị Hoài Phương	09/05/2004	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
99	DTE2253402010115	Hoàng Thị Vân Anh	27/09/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
100	DTE2253402010147	Lý Thu Phương	20/07/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
101	DTE2253402010142	Trương Thị Phương Uyên	26/02/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
102	DTE2253402010053	Lộc Thị Minh Ánh	01/09/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
103	DTE2253402010094	Lâm Thị Kim Ngân	21/02/2004	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
104	DTE2253402010111	Nông Thị Thu Uyên	20/08/2003	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
105	DTE2353403010049	Đỗ Hương Dịu	22/09/2005	K20 - Kế toán 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
106	DTE2353403010042	Lý Thị Kim Bên	01/01/2005	K20 - Kế toán 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
107	DTE2353403010128	Cao Lưu Gia Huy	25/11/2005	K20 - Kế toán 2	MCCM (100%)	100.000	6	600.000	
108	DTE2353403010174	Lương Thị Khánh Linh	15/10/2004	K20 - Kế toán 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
109	DTE2353403010067	Nông Thị Thu Hà	01/03/2005	K20 - Kế toán 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
110	DTE2353403010096	Trần Mông Hiệp	14/10/2005	K20 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
111	DTE2353403010126	Vi Thị Hường	12/11/2005	K20 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
112	DTE2353403010305	Nguyễn Hà Anh Tuấn	14/04/2004	K20 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
113	DTE2353403010202	Dương Thị Nga	20/12/2005	K20 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
114	DTE2353403010228	Bùi Dung Nhi	16/10/2005	K20 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
115	DTE2353403010254	Phùng Thị Minh Tâm	29/09/2005	K20 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
116	DTE2353403010363	Hoàng Thị Vân Anh	11/03/2005	K20 - Kế toán 6	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
117	DTE2353403010364	Hoàng Thu Liêm	11/02/2005	K20 - Kế toán 6	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
118	DTE2353403010375	Nông Anh Tú	23/10/2005	K20 - Kế toán 6	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
119	DTE2353403010308	Mạc Thị Hoài Vân	25/09/2005	K20 - Kế toán 6	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
120	DTE2353101010052	Triệu Đức Giang	26/11/2004	K20 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
121	DTE2353101010019	Ma Văn Khởi	01/11/2005	K20 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
122	DTE2353101010058	Hoàng Nhật Lệ	17/06/2005	K20 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
123	DTE2353101010038	Lò Thum Phong	28/12/2005	K20 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
124	DTE2353101010039	Phan Thị Quy	17/05/2005	K20 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
125	DTE2355106050012	Hoàng Văn Chí	07/09/2005	K20 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
126	DTE2355106050101	Hoàng Minh Đoàn	11/03/2005	K20 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
127	DTE2355106050091	Triệu Như Ý	29/08/2005	K20 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
128	DTE2353801070064	Hoàng Thị Diễm	18/12/2005	K20 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
129	DTE2353801070020	Ngọc Thị Hiền	27/06/2005	K20 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
130	DTE2353801070031	Phạm Ngọc Mai	31/03/2005	K20 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
131	DTE2353801070082	Đào Thị Phương Anh	23/09/2005	K20 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
132	DTE2353801070043	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/04/2005	K20 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
133	DTE2353801070049	Đinh Minh Sinh	03/11/2005	K20 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
134	DTE2353401150039	Phan Thị Hà	20/04/2005	K20 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
135	DTE2353401150061	Hà Thị Hoàn	04/12/2005	K20 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
136	DTE2353401150150	Bàn Thị Thắm	19/02/2004	K20 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
137	DTE2353401150177	Lý Anh Tuấn	02/09/2003	K20 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
138	DTE2353401150020	Dương Phương Chà	05/10/2004	K20 - Marketing 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
139	DTE2353401150081	Vũ Thị Huyền	26/10/2005	K20 - Marketing 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
140	DTE2353401150109	Lý Thị Tuyết Mai	20/09/2005	K20 - Marketing 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
141	DTE2353401150015	Pờ Duy Anh	22/02/2005	K20 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
142	DTE2353401150011	Đặng Ngọc Ánh	14/12/2005	K20 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
143	DTE2353401150200	Nông Thị Bích Ngọc	11/01/2005	K20 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
144	DTE2353401150141	Lục Văn Quý	20/05/2005	K20 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
145	DTE2353401150224	Nguyễn Thanh Thảo	24/06/2005	K20 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
146	DTE2353401150198	Nguyễn Thị Thắm	09/11/2005	K20 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
147	DTE2353404030009	Lê Công Huân	13/10/2005	K20 - Quản lý công	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
148	DTE2358101030032	Lương Huyền Trinh	23/06/2005	K20 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
149	DTE2353401010016	Phạm Mai Anh	07/08/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
150	DTE2353401010089	Vy Thùy Linh	01/03/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
151	DTE2353401010020	Lý Diệu Anh	01/11/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
152	DTE2353401010216	Tô Thị Lan Anh	17/12/2002	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
153	DTE2353401010217	Triệu Thị Sinh Chúc	19/05/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
154	DTE2353401010037	Hoàng Thị Giang	28/03/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	MCCM (100%)	100.000	6	600.000	
155	DTE2353401010192	Viên Thành Văn	18/12/2005	K20 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
156	DTE2353402010057	Trần Thị Lành	25/03/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
157	DTE2353402010119	Bế Chí Minh	01/01/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
158	DTE2353402010075	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	30/03/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
159	DTE2353402010081	Triệu Linh Nhi	31/10/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
160	DTE2353402010098	Đào Thị Tình Thương	14/09/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
161	DTE2353402010003	Doanh Thị Ái	21/12/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
162	DTE2353402010123	Nông Quỳnh Anh	05/08/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
163	DTE2353402010017	Giàng A Chang	17/10/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
164	DTE2353402010022	Đỗ Chung Dương	01/06/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
165	DTE2353402010125	Hoàng Thu Hương	18/12/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
166	DTE2353402010126	Luận Thị Thu Luyến	17/05/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
167	DTE2353402010088	Hà Mai Phương	29/11/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
168	DTE2353402010086	Vi Kiều Phương	02/11/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
169	DTE2353402010102	Vi Văn Tôn	17/08/2004	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
170	DTE2353402010133	Nông Thị Tuyết	21/04/2005	K20 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
171	DTE2453403010113	Lý Thị Mỹ Lệ	02/07/2006	K21 - Kế toán 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
172	DTE2453403010032	Triệu Lương Chúc	02/07/2006	K21 - Kế toán 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
173	DTE2453403010299	Nông Thị Nga	03/09/2005	K21 - Kế toán 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
174	DTE2453403010026	Bùi Thị Hà Châu	15/07/2006	K21 - Kế toán 3	MCCM (100%)	100.000	6	600.000	
175	DTE2453403010280	Lý Huyền Na	12/11/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
176	DTE2453403010253	Lê Thị Yên	15/02/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
177	DTE2453403010143	Hoàng Văn Luân	05/04/2006	K21 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
178	DTE2453403010248	Nông Minh Trang	16/08/2006	K21 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
179	DTE2453403010058	Ma Thị Diễm Hằng	27/10/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
180	DTE2453403010075	Hoàng Thị Thu Hoài	10/05/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
181	DTE2453403010126	Nguyễn Phương Linh	04/12/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
182	DTE2453403010147	Vũ Thị Cẩm Ly	29/04/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
183	DTE2453403010157	Nông Thị Mơ	13/12/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
184	DTE2453403010322	Nông Trúc Quỳnh	26/12/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
185	DTE2453101010081	Hoàng Diệu Ly	28/08/2006	K21 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
186	DTE2453101010033	Doanh Thị Nguyễn	03/08/2003	K21 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
187	DTE2453101040016	Hứa Thành Nam	24/05/2006	K21 - Kinh tế đầu tư	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
188	DTE2453101040028	Triệu Phúc Tiến	18/12/2004	K21 - Kinh tế đầu tư	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
189	DTE2453101050019	Nguyễn Du	20/09/2005	K21 - Kinh tế phát triển	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
190	DTE2455106050014	Ma Thúy Bằng	13/12/2006	K21 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
191	DTE2455106050163	Lương Thị Mai Chi	29/07/2006	K21 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
192	DTE2455106050170	Đinh Thị Bích Duyên	24/05/2006	K21 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
193	DTE2455106050165	Lương Tuấn Phương	12/11/2006	K21 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
194	DTE2455106050021	Lý Văn Chiến	12/03/2004	K21 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
195	DTE2455106050023	Nông Mạnh Cường	28/03/2005	K21 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
196	DTE2453801070154	Sùng Huyền Chi	30/07/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
197	DTE2453801070161	Giảng Thị Loan	23/05/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
198	DTE2453801070162	Nguyễn Đức Mậu	09/09/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
199	DTE2453801070165	Nguyễn Thị Nhoi	08/05/2002	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
200	DTE2453801070168	Hoàng Thị Thảo	21/07/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
201	DTE2453801070186	Vương Tiến Thu	13/03/2005	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
202	DTE2453801070170	Mua Thị Út	29/08/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
203	DTE2453801070019	Trương Bích Diệp	28/10/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
204	DTE2453801070059	Trương Thị Cẩm Ly	21/01/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
205	DTE2453801070178	Hoàng Thị Hồng Nhung	27/08/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
206	DTE2453801070084	Bê Hoàng Trang	09/09/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
207	DTE2453801070120	Dương Đình An	27/01/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
208	DTE2453801070003	Ma Thị Hoàng Anh	03/03/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
209	DTE2453801070013	Trần Văn Biển	31/05/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
210	DTE2453801070121	Lý Pé Cà	20/04/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
211	DTE2453801070176	Lương Quỳnh Dương	02/09/2003	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
212	DTE2453801070136	Nông Trung Hiếu	22/08/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
213	DTE2453801070046	Chu Thị Quỳnh Hương	14/04/2005	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
214	DTE2453801070125	Lý Lý Phạ	08/04/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
215	DTE2453801070148	Chu Trung Thành	05/09/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
216	DTE2453801070087	Bùi Quốc Trung	25/09/2003	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
217	DTE2453801070093	Hạc Thị Uyên	02/05/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
218	DTE2453401150087	Vi Thị Huệ	28/10/2005	K21 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
219	DTE2453401150256	Dương Thị Phương Thảo	12/03/2006	K21 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
220	DTE2453401150194	Trần Thị Thương	21/11/2006	K21 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
221	DTE2453401150225	Cao Thị Hải Yến	24/10/2006	K21 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
222	DTE2453401150068	Trần Thị Nam Hào	24/12/2005	K21 - Marketing 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
223	DTE2453401150074	Ma Thị Hiệp	06/01/2006	K21 - Marketing 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
224	DTE2453401150037	Hà Thị Bích Diệu	14/02/2006	K21 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
225	DTE2453401150145	Đặng Bích Ngọc	19/08/2006	K21 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
226	DTE2453401150154	Ma Thị Hương Nhung	26/06/2005	K21 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
227	DTE2453401150237	Phan Huyền Diệu	27/07/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
228	DTE2453401150135	Lường Xuân Mai	24/09/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
229	DTE2453401150280	Lý Minh Quân	04/05/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
230	DTE2453404030003	Hà Thị Linh	16/12/2006	K21 - Quản lý công	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
231	DTE2458101030008	Nông Tuấn Anh	02/12/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
232	DTE2458101030076	Đàm Thị Dung	10/03/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
233	DTE2458101030093	Triệu Thị Vân Hiền	12/04/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
234	DTE2458101030018	Tần Kim Hoán	21/03/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
235	DTE2458101030031	Triệu Thị Liên	30/10/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
236	DTE2458101030056	Phùng Thị Minh Thu	05/01/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
237	DTE2458101030062	Hoàng Thu Trang	14/08/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
238	DTE2458101030065	Bùi Thị Cẩm Tú	18/07/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
239	DTE2458101030069	Triệu Thế Vinh	01/07/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
240	DTE2458101030057	Nguyễn Ngọc Thu	09/03/2006	K21 - Quản trị Du lịch và Khách sạn (Tiếng Anh)	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
241	DTE2453401010115	Lương Thành Nam	20/09/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
242	DTE2453401010132	Triệu Sinh Quân	08/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
243	DTE2453401010159	Nông Thị Thu Thuyền	30/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
244	DTE2453401010235	Châu Chí Vinh	05/03/2004	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
245	DTE2453401010191	Hoàng Linh Chi	01/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
246	DTE2453401010033	Hạng Sào Dũng	21/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
247	DTE2453401010064	Hoàng Thanh Hoan	27/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
248	DTE2453401010225	Lương Công Luân	28/01/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
249	DTE2453401010219	Triệu Tiến Tân	26/03/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
250	DTE2453401010031	Lý Triệu Công Chiến	13/04/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
251	DTE2453401010065	Nguyễn Huy Hoàng	25/02/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
252	DTE2453401010213	Lò Việt Hùng	27/07/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
253	DTE2453401010227	Hà Thị Mai Hương	25/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
254	DTE2453401010106	Vừ Ngọc Long	25/05/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
255	DTE2453401010110	Liều Thị Hồng Mến	04/02/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
256	DTE2453401010124	Đặng Hữu Nhật	21/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
257	DTE2453401010140	Lân Hồng Sinh	29/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
258	DTE2453401010150	Hoàng Trường Thịnh	08/11/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
259	DTE2453401150094	Nguyễn Thị Hường	23/12/2006	K21 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
260	DTE2453404040011	Hoàng Thị Ngọc Bình	28/03/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
261	DTE2453404040018	Lâm Thị Chính	07/03/2004	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
262	DTE2453404040048	Đặng Trung Kiên	25/07/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
263	DTE2453404040065	Diệp Thị Mai	11/12/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
264	DTE2453404040079	Trần Bích Nhi	18/12/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
265	DTE2453404040094	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	03/08/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
266	DTE2453404040101	Nông Thị Thúy	09/09/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
267	DTE2453404040017	Bùi Đức Chính	24/04/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
268	DTE2453404040024	Long Hồng Hà	02/12/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
269	DTE2453404040163	Đinh Phương Huyền	12/12/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
270	DTE2453404040035	Nông Thị Thu Hường	17/05/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
271	DTE2453404040047	Nguyễn Trung Kiên	03/11/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
272	DTE2453402010070	Lường Thị Thảo Ly	17/12/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
273	DTE2453402010147	Lâm Hồng Mai	01/10/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
274	DTE2453402010093	Lý Thị Hồng Nhung	19/10/2005	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
275	DTE2453402010096	Bàn Thị Phần	26/11/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
276	DTE2453402010117	Đinh Thị Thúy	10/08/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
277	DTE2453402010193	Phan Anh Tú	04/04/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
278	DTE2453402010164	Phương Thị Tuế	25/07/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
279	DTE2453402010134	Nông Nguyễn Ngọc Vân	16/05/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
280	DTE2453402010165	Vàng Thị Xây	15/06/2004	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	

STT	MSSV	Họ và tên	NTNS	 Lớp	Đối tượng	Mức tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
281	DTE2453402010109	Hoàng Phương Thảo	27/07/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
282	DTE2453402010150	Hoàng Minh Thu	27/09/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
283	DTE2453402010071	Nguyễn Thị Ngọc Mai	06/07/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
284	DTE2453402010074	Đình Công Minh	05/09/2004	K21 - Tài chính - Ngân hàng 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
285	DTE2453402010179	Hoàng Lê Nhân	15/08/2005	K21 - Tài chính - Ngân hàng 3	DTTS-ĐBKK (70%)	140.000	6	840.000	
286	DTE2253403010197	Đình Ngọc Minh Hạnh	16/06/2004	K19 - Kế toán C	Nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	4,00
287	DTE2353403010109	Đình Ngọc Minh Hồng	10/07/2005	K20 - Kế toán 2	Nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	3,65
288	DTE2353401150203	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/03/2005	K20 - QTM (TA)	Nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	3,59
289	DTE2453403010268	Hoàng Thị Thu Hoài	20/02/2006	K21 - Kế toán 5	Nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	3,63
290	DTE2455106050065	Dương Thị Luyến	26/08/2006	K21 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	Nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	3,69
291	DTE2353401150108	Vũ Thị Mai	13/09/2005	K20 - Marketing 1	Nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	3,24
		Tổng cộng:						241.560.000	

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

Ấn định danh sách 291 sinh viên

Mức 140.000 đ

Mức 100.000 đ

Tổng cộng

279 sinh viên

12 sinh viên

291 sinh viên

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH



Phạm Thị Nga